

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2024

Tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Thành viên
Ông Dương Quang Đông	Thành viên
Bà Vương Bảo Yến	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Tuyết Nhung	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Dương Quang Đông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Kế toán trưởng

Người đại diện trước Pháp luật của Công ty là Ông Phạm Huy Thành.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Phạm Huy Thành

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Số: 449 /2024/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Hoàng Đình Hải

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2282-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.022.874.461.252	963.248.070.227
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.039.591.299	73.983.086.531
Tiền	111		9.039.591.299	73.983.086.531
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.450.000.000	1.450.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.450.000.000	1.450.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		744.206.602.109	604.232.016.170
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	460.788.899.162	397.620.593.323
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	298.526.039.421	214.333.685.975
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	5.500.000.000	5.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	513.727.063	17.116.786
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(21.122.063.537)	(13.339.379.914)
Hàng tồn kho	140	10	267.384.062.898	280.472.846.318
Hàng tồn kho	141		311.665.950.596	336.808.139.390
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(44.281.887.698)	(56.335.293.072)
Tài sản ngắn hạn khác	150		794.204.946	3.110.121.208
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	62.946.552	1.854.285
Thuế GTGT được khấu trừ	152		369.737.480	2.868.270.946
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	361.520.914	239.995.977
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		335.788.095.283	345.601.651.135
Tài sản cố định	220		32.875.610.223	38.519.015.440
Tài sản cố định hữu hình	221	14	32.768.187.771	38.384.880.988
- Nguyên giá	222		90.243.633.773	90.190.533.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.475.446.002)	(51.805.652.785)
Tài sản cố định vô hình	227	13	107.422.452	134.134.452
- Nguyên giá	228		200.340.000	200.340.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.917.548)	(66.205.548)
Bất động sản đầu tư	230	15	47.385.721.328	47.983.780.156
- Nguyên giá	231		49.022.597.307	48.806.255.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.636.875.979)	(822.475.794)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.159.177.483	2.943.766.447
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.159.177.483	2.943.766.447
Đầu tư tài chính dài hạn	250		250.924.521.686	253.029.132.243
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	250.924.521.686	253.029.132.243
Tài sản dài hạn khác	260		1.443.064.563	3.125.956.849
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.443.064.563	3.125.956.849
TỔNG TÀI SẢN	270		1.358.662.556.535	1.308.849.721.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		105.191.479.649	47.299.977.204
Nợ ngắn hạn	310		104.791.479.649	46.899.977.204
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.799.489.892	6.891.945.245
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		611.696.093	906.871.853
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	261.939	43.646.486
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	189.041.096	877.361.691
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		300.000.000	300.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	476.371.163	465.532.463
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	85.000.000.000	35.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.414.619.466	2.414.619.466
Nợ dài hạn	330		400.000.000	400.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	20	400.000.000	400.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.253.471.076.886	1.261.549.744.158
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.253.471.076.886	1.261.549.744.158
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.202.185.400.000	1.202.185.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.202.185.400.000	1.202.185.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(238.202.140)	(238.202.140)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.423.689.821	8.423.689.821
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.191.200.569	49.270.077.393
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		49.270.077.393	105.339.637.211
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.078.876.824)	(56.069.559.818)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.908.988.636	1.908.779.084
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.358.662.556.535	1.308.849.721.362

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Tuyết

Phạm Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	104.496.546.918	274.408.891.138
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		104.496.546.918	274.408.891.138
Giá vốn hàng bán	11	23	96.020.036.536	263.013.172.232
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.476.510.382	11.395.718.906
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.040.931.171	1.427.176.584
Chi phí tài chính	22	25	1.833.376.447	1.740.044.478
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.833.376.447	1.740.044.478
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.104.610.557)	1.774.681.990
Chi phí bán hàng	25	28	111.218.025	382.493.712
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.926.163.727	3.288.786.829
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.457.927.203)	9.186.252.461
Thu nhập khác	31	26	480.228.331	-
Chi phí khác	32	27	405.737.227	59.726
Lợi nhuận khác	40		74.491.104	(59.726)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.383.436.099)	9.186.192.735
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	695.231.173	1.534.736.950
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.078.667.272)	7.651.455.785
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(8.078.876.824)	7.650.433.558
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		209.552	1.022.227
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(67)	64
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	(67)	64

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Chủ tịch HĐQT



Thạm Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(7.383.436.099)	9.186.192.735
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.510.905.402	5.431.413.879
Các khoản dự phòng	03		(4.270.721.751)	(1.918.498.072)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.040.931.171)	(3.202.241.538)
Chi phí lãi vay	06		1.833.376.447	1.740.044.478
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.350.807.172)	11.236.911.482
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(144.983.687.056)	30.287.198.852
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.142.188.794	(18.232.016.367)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.859.530.229	(76.311.209.075)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.621.800.019	2.183.563.993
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.813.154.795)	(1.844.797.904)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(696.338.334)	(23.226.153.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(115.220.468.315)	(75.906.502.874)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(367.384.111)	(6.134.535.048)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.500.000.000)	(5.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.600.000.000	107.970.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		544.357.194	5.402.357.046
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		276.973.083	102.137.821.998

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		85.000.000.000	35.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(35.000.000.000)	(54.856.150.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		50.000.000.000	(19.856.150.004)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(64.943.495.232)	6.375.169.120
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	73.983.086.531	72.058.306.886
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	9.039.591.299	78.433.476.006

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết



Chủ tịch HĐQT

Phạm Huy Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102382580 ngày 04/10/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 21 vào ngày 28/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại: Số 9 Ngách 61/4 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy của công ty đặt tại: Xóm Ao Kênh, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/6/2024 là 1.202.185.400.000 đồng chia thành 120.218.540 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với số lượng 120.218.540 cổ phiếu niêm yết tương ứng 1.202.185.400.000 đồng với mã chứng khoán là MBG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 27 người (tại ngày 31/12/2023 là 32 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, xây lắp.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất thiết bị đèn chiếu sáng, đèn trang trí, sản xuất đồ điện gia dụng
- Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong nhà;
- Bán buôn trang thiết bị y tế, dụng cụ vật tư y tế.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các Công ty con, Công ty liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
- Công ty TNHH Đầu tư MBG	80%	80%	Kinh doanh bất động sản, các dịch vụ về bất động sản
- Confitech			
Đầu tư vào công ty liên kết			
- Công ty Cổ phần Vcado Global	40%	40%	Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh thương mại dịch vụ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	48%	48%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng; kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	41,67%	41,67%	Kinh doanh thương mại dịch vụ; kinh doanh thiết bị điện
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	48%	48%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa; kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh	32%	32%	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; kinh doanh thương mại dịch vụ

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa Công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp hoặc gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn góp thực thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành 1 chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào các khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các Công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con. Khi chính sách kế toán của Công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của Công ty liên kết sẽ có các điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các Công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 30/6/2024 là phần mềm máy tính.

3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là: quyền sử dụng đất, nhà do người chủ sở hữu nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí thực hiện các dự án.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành là 10% và 8%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.849.576.898	285.957.018
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.190.014.401	73.697.129.513
Cộng	9.039.591.299	73.983.086.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.450.000.000	1.450.000.000	1.450.000.000	1.450.000.000
Cộng	1.450.000.000	1.450.000.000	1.450.000.000	1.450.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 – 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên Phủ.

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết	250.924.521.686	-	253.029.132.243	-
- Công ty Cổ phần Vcado global	42.225.649.535	-	42.990.466.199	-
- Công ty Cổ phần MBG Lạc sanh Phú Yên	47.800.262.226	-	48.233.342.611	-
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung	50.444.599.959	-	50.439.912.773	-
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	49.239.632.213	-	49.230.496.743	-
- Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh	61.214.377.753	-	62.134.913.917	-
Cộng	250.924.521.686	-	253.029.132.243	-

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/6/2024. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Vcado Global	Số SH2A - SP.2A-35, Đường San Hồ 2A, KĐT Vinhomes Oceanpark, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	40%	40%	Kinh doanh Bất động sản, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	48%	48%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng; kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Lô D12, một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An Phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	41,67%	41,67%	Kinh doanh thương mại dịch vụ; kinh doanh thiết bị điện
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	48%	48%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa; kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh	Tổ dân phố số 14, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	32%	32%	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; kinh doanh thương mại dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	460.788.899.162	(21.122.063.537)	397.620.593.32	(13.339.379.914)
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	110.007.054.128	-	68.269.215.238	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại An	78.029.385.724	-	78.029.385.724	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại Phát	68.950.785.845	-	36.894.510.055	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HTV	20.894.224.220	(14.625.956.954)	20.894.224.220	(10.447.112.110)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Đông Đô	58.347.159.918	-	49.136.846.828	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinhomes	19.655.850.530	-	19.655.850.530	-
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp miền Trung	26.150.908.946	-	29.150.908.946	-
- Công ty Cổ phần Kosy	5.639.404.410	-	27.620.178.500	-
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	22.641.402.270	-	22.641.402.270	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	50.472.723.171	(6.496.106.583)	45.328.071.012	(2.892.267.804)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	460.788.899.162	(21.122.063.537)	397.620.593.32	(13.339.379.914)

Phải thu khách hàng với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	298.526.039.421	-	214.333.685.975	-
- Công ty TNHH Vân Phong Holding	26.237.381.337	-	41.835.538.417	-
- Công ty Cổ phần Vân Phong Toàn Cầu	16.003.246.004	-	16.003.246.004	-
- Công ty Cổ phần Pjaca Group	129.908.288.806	-	76.250.730.156	-
- Công ty TNHH Quang Ngân Việt Nam	40.940.000.000	-	40.940.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp SSTECH Việt Nam	23.200.000.000	-	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Thăng Long	24.345.146.361	-	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Phát triển Hạ tầng Việt Nam	15.643.368.116	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	22.248.608.797	-	9.304.171.398	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	298.526.039.421	-	214.333.685.975	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.500.000.000	-	5.600.000.000	-
- Lê Thị Xuân Thu (*)	5.500.000.000	-	5.600.000.000	-
Cộng	5.500.000.000	-	5.600.000.000	-

(*): Các khoản cho vay với thời gian 3 tháng và lãi suất 3%/năm được sử dụng vào nhu cầu tiêu dùng hợp pháp của bên vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MIBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	513.727.063	-	17.116.786	-
- Phải thu khác từ lãi tiền đặt cọc mua nhà Vinhomes	469.406.641	-	-	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	44.215.366	-	15.792.329	-
- Các khoản phải thu khác	105.056	-	1.324.457	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	513.727.063	-	17.116.786	-

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.519.237.352	(4.467.405.914)	22.579.249.129	(6.642.086.743)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.848.350.021	-	8.190.260.580	-
Thành phẩm	130.652.389.631	(27.508.340.784)	164.351.018.550	(34.383.111.329)
Hàng hóa	152.641.646.992	(12.306.141.000)	141.687.611.131	(15.310.095.000)
Cộng	311.665.950.596	(44.281.887.698)	336.808.139.390	(56.335.293.072)

- Giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 74.902.379.046 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	3.159.177.483	2.943.766.447
<i>Dự án khu sinh thái nghỉ dưỡng Green Island</i>	43.241.234	43.241.234
<i>Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, trải nghiệm và nuôi trồng thủy sản Đổ Sơn</i>	1.885.144.545	1.885.144.545
<i>Dự án khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng Thủy sản Đổ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ</i>	1.230.791.704	1.015.380.668
Cộng	3.159.177.483	2.943.766.447

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	62.946.552	1.854.285
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	62.946.552	1.854.285
Dài hạn	1.443.064.563	3.125.956.849
- Chi phí sửa chữa văn phòng, giao dịch	1.356.547.472	2.984.404.430
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	77.892.091	128.427.419
- Chi phí khác	8.625.000	13.125.000
Cộng	1.506.011.115	3.127.811.134

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm, máy vi tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2024	200.340.000	200.340.000
- Mua trong kỳ	-	-
Tại 30/06/2024	200.340.000	200.340.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2024	(66.205.548)	(66.205.548)
- Khấu hao trong kỳ	(26.712.000)	(26.712.000)
Tại 30/06/2024	(92.917.548)	(92.917.548)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	134.134.452	134.134.452
Tại 30/06/2024	107.422.452	107.422.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dùng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2024	25.292.566.071	57.903.970.000	6.958.997.702	35.000.000	90.190.533.773
- Mua trong kỳ	-	53.100.000	-	-	53.100.000
Tại 30/06/2024	25.292.566.071	57.957.070.000	6.958.997.702	35.000.000	90.243.633.773
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2024	(16.393.478.770)	(31.851.578.865)	(3.525.595.150)	(35.000.000)	(51.805.652.785)
- Khấu hao trong kỳ	(1.465.557.762)	(3.730.589.107)	(473.646.348)	-	(5.669.793.217)
Tại 30/06/2024	(17.859.036.532)	(35.582.167.972)	(3.999.241.498)	(35.000.000)	(57.475.446.002)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	8.899.087.301	26.052.391.135	3.433.402.552	-	38.384.880.988
Tại 30/06/2024	7.433.529.539	22.374.902.028	2.959.756.204	-	32.768.187.771

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 6.818.741.454 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2024
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	48.806.255.950	216.341.357	-	49.022.597.307
- Nhà và quyền sử dụng đất	48.806.255.950	216.341.357	-	49.022.597.307
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ	(822.475.794)	(814.400.185)	-	(1.636.875.979)
- Nhà và quyền sử dụng đất	(822.475.794)	(814.400.185)	-	(1.636.875.979)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	47.983.780.156	(598.058.828)	-	47.385.721.328
- Nhà và quyền sử dụng đất	47.983.780.156	(598.058.828)	-	47.385.721.328

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	15.799.489.892	15.799.489.892	6.891.945.245	6.891.945.245
- Công ty Cổ phần Tập đoàn VGO	14.049.385.626	14.049.385.626	6.891.153.936	6.891.153.936
- Các đối tượng khác	1.750.104.266	1.750.104.266	791.309	791.309
Cộng	<u>15.799.489.892</u>	<u>15.799.489.892</u>	<u>6.891.945.245</u>	<u>6.891.945.245</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.369.100	695.231.173	696.338.334	261.939
- Thuế thu nhập cá nhân	42.277.386	14.610.618	56.888.004	-
- Các loại thuế khác	-	131.712.937	131.712.937	-
Cộng	43.646.486	841.554.728	884.939.275	261.939
	01/01/2024	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu/cán trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	239.995.975	-	121.524.937	361.520.912
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2	-	-	2
Cộng	239.995.977	-	121.524.937	361.520.914

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
- Vay ngân hàng	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ (1)	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch (3)	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Cộng	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 186260.24.1970764.TD ngày 31/01/2024 với Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Điện Biên Phủ là hợp đồng chuyển tiếp của hợp đồng tín dụng 84255.22.051.197764.TD ngày 10/10/2022. Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay là 35.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh thanh toán là 35.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán: 15.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: kể từ ngày giao kết Hợp đồng đến ngày 12/11/2024; Lãi suất: theo từng lần giải ngân. Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và lắp đặt thiết bị điện của Khách hàng.

Tài sản đảm bảo:

- Toàn bộ hàng hóa, quyền đòi nợ đã, đang và sẽ hình thành từ phương án được MB cấp tín dụng luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Bên thế chấp.
- Bất động sản: Bất động sản theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 980682, do UBND Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011 và các tài sản hình thành trong tương lai từ các Hợp đồng mua bán nhà ở riêng lẻ giữa CN tại Hưng Yên – Công ty CP Vinhomes và Công ty CP Tập đoàn MBG.
- Hợp đồng tiền gửi số 52201.23.051.1970764.TG.DN và 48979.22.051.1970764.TG.DN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số KH3-230321/HĐCTD.MBG ngày 27/10/2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch. Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là: 50.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 45.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực nhưng tối đa không quá ngày 18/11/2024. Lãi suất: theo từng lần giải ngân.

Mục đích cấp tín dụng: Tài trợ các nhu cầu cho vay ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

Tài sản đảm bảo:

- Thẻ chấp bất động sản tại địa chỉ số 9 ngách 61/4 phố Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC.273473 do UBND quận Hai Bà Trưng cấp ngày 31/08/2010 theo Hợp đồng thế chấp số KH3-220322/TSBĐ.MBG ngày 09/11/2022 giữa chủ tài sản và Ngân hàng.
- Thẻ chấp Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế mua bán Bất động sản tại dự án Vinhomes Ocean Park 2.
- Thẻ chấp Hàng tồn kho luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp số 01/2022/TCHH/VCBSGD-MBG ngày 29/08/2022 giữa Khách hàng và Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	189.041.096	877.361.691
- Lãi vay	79.041.096	58.819.444
- Chi phí khác	110.000.000	818.542.247
Dài hạn	-	-
Cộng	189.041.096	877.361.691

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	476.371.163	465.532.463
- Kinh phí công đoàn	61.639.363	50.800.663
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	414.731.800	414.731.800
Dài hạn	400.000.000	400.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	400.000.000	400.000.000
Cộng	876.371.163	865.532.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2023	1.202.185.400.000	(238.202.140)	5.410.853.447	109.356.752.375	1.907.695.441	1.318.622.499.123	-	-	-	-	-
- Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	(56.069.559.818)	1.083.643	(56.068.476.175)	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	3.012.836.374	(4.017.115.164)	-	(1.004.278.790)	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.004.278.790)	-	(1.004.278.790)	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.012.836.374	(3.012.836.374)	-	(3.012.836.374)	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2023	1.202.185.400.000	(238.202.140)	8.423.689.821	49.270.077.393	1.908.779.084	1.261.549.744.158	-	-	-	-	-
Tại 01/01/2024	1.202.185.400.000	(238.202.140)	8.423.689.821	49.270.077.393	1.908.779.084	1.261.549.744.158	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	(8.078.876.824)	209.552	(8.078.667.272)	-	-	-	-	-
Tại 30/06/2024	1.202.185.400.000	(238.202.140)	8.423.689.821	41.191.200.569	1.908.988.636	1.253.471.076.886	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.202.185.400.000	1.202.185.400.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.202.185.400.000	1.202.185.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.218.540	120.218.540
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	120.218.540	120.218.540
+ Cổ phiếu phổ thông	120.218.540	120.218.540
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.218.540	120.218.540
+ Cổ phiếu phổ thông	120.218.540	120.218.540
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21.4 CÁC QUỸ

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.423.689.821	8.423.689.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu	103.200.249.291	243.617.130.491
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	91.047.755.600	243.617.130.491
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	12.152.493.691	-
- Doanh thu dịch vụ xây lắp	96.297.627	30.491.760.647
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.200.000.000	300.000.000
Cộng	104.496.546.918	274.408.891.138

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33.1

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa	89.990.830.487	237.083.515.762
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	17.232.353.388	-
- Giá vốn xây lắp	35.857.850	25.922.877.823
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	814.400.185	6.778.647
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.053.405.374)	-
Cộng	96.020.036.536	263.013.172.232

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	299.840.130	1.427.176.584
- Lãi từ tiền đặt cọc căn hộ	741.091.041	-
Cộng	1.040.931.171	1.427.176.584

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.833.376.447	1.740.044.478
Cộng	1.833.376.447	1.740.044.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi nhánh tại Hưng Yên- Công ty Cổ phần Vinhomes hỗ trợ tiền thuê nhà	480.000.000	-
- Các khoản khác	228.331	-
Cộng	480.228.331	-

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	405.737.227	59.726
Cộng	405.737.227	59.726

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	12.926.163.727	3.288.786.829
- Chi phí nhân viên quản lý	1.551.514.263	1.602.832.095
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.682.344.566	2.295.638.173
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	986.526.048	615.161.604
- Chi phí dự phòng	7.782.683.623	(1.918.498.072)
- Thuế, phí và lệ phí	33.300.000	33.300.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	805.775.427	543.338.573
- Chi phí bằng tiền khác	84.019.800	117.014.456
b. Các khoản chi phí bán hàng	111.218.025	382.493.712
- Chi phí nhân viên	109.237.025	380.098.444
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.981.000	2.395.268
Cộng	13.037.381.752	3.671.280.541

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	695.231.173	1.534.736.950
Cộng	695.231.173	1.534.736.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.630.961.479	63.160.968.558
Chi phí nhân công	2.214.908.104	2.270.044.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.473.236.322	5.393.744.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	876.616.367	2.934.999.014
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.782.683.623	(1.918.498.072)
Chi phí khác	87.019.800	250.940.943
Cộng	25.065.425.695	72.092.199.827

31. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

31.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(8.078.876.824)	7.650.433.558
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	120.218.540	120.218.540
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(67)	64

31.2 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: kinh doanh thương mại, dịch vụ xây lắp.....

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Xây lắp	Dịch vụ	Bất động sản	Loại trừ	Tổng bộ phận đã báo cáo
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	91.047.755.600	96.297.627	1.200.000.000	12.152.493.691	-	104.496.546.918
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.056.925.113	60.439.777	385.599.815	1.794.910.848	5.178.634.829	8.476.510.382
Doanh thu tài chính						1.040.931.171
Chi phí tài chính						1.833.376.447
Chi phí bán hàng						111.218.025
Chi phí quản lý doanh nghiệp						12.926.163.727
Lợi nhuận khác						(2.030.119.453)
Chi phí thuế TNDN						695.231.173
Lợi nhuận sau thuế TNDN						(8.078.667.272)
TÀI SẢN						
Tài sản bộ phận						1.097.248.443.550
Tài sản không phân bổ						261.414.112.985
Tổng tài sản						1.358.662.556.535
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ phải trả bộ phận						102.776.860.183
Nợ phải trả không phân bổ						2.414.619.466
Tổng nợ phải trả						105.191.479.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan

(Đơn vị tính: VND)

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Vcado Global	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Công ty liên kết Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Người đại diện pháp luật là ông Phạm Mạnh Cường – Anh trai Ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch HĐQT- Người đại diện pháp luật Công ty
- Bà Đặng Thị Tiệp	Mẹ vợ ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật Công ty
- Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Vợ ông Phạm Huy Thành – Thành viên HĐQT đồng thời là Phó tổng giám đốc Công ty
- Ông Phạm Mạnh Cường	Anh trai Ông Phạm Huy Thành -Người đại diện pháp luật MBG

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Số dư	30/6/2024	01/01/2024
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Phải thu khách hàng ngắn hạn	22.641.402.270	22.641.402.270
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung	Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.150.908.946	29.150.908.946

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Bán hàng hóa, dịch vụ Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	- -	7.204.324.573 10.137.581.600
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung	Bán hàng hóa, dịch vụ Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	- 3.000.000.000	11.951.591.087 8.760.005.185
- Công ty CP Vcado Global	Bán hàng hóa, dịch vụ Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.200.000.000 1.320.000.000	600.000.000 660.000.000
- Ông Phạm Huy Thành	Thuê văn phòng Thanh toán tiền thuê VP	120.000.000 120.000.000	120.000.000 120.000.000
- Bà Đặng Thị Tiệp	Thuê văn phòng Thanh toán tiền thuê VP	48.000.000 48.000.000	48.000.000 48.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>
Thu nhập của Hội đồng quản trị	60.000.000	72.000.000
Phạm Huy Thành	24.000.000	24.000.000
Đặng Thị Tuyết Lan	12.000.000	12.000.000
Vương Bảo Yên	12.000.000	12.000.000
Trần Thúy Loan (Miễn nhiệm ngày 30/12/2023)	-	12.000.000
Dương Quang Đông	12.000.000	12.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Phạm Tuyết Nhung	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	6.000.000	6.000.000
Nguyễn Thị Quỳnh	6.000.000	6.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	239.412.000	214.562.923
Phạm Huy Thành	94.604.000	89.392.769
Đặng Thị Tuyết Lan	91.004.000	76.512.000
Dương Quang Đông	53.804.000	48.658.154
Cộng	323.412.000	310.562.923

33.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Chủ tịch HĐQT



Phạm Huy Thành